

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/DS-PT  
Ngày 31-12-2021  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Kim Rết.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Văn Toàn.

Ông Đỗ Minh Nhựt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Ông Phan Quốc Phong -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122a/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 222 ngày 20/9/2021, số 241 ngày 20/10/2021, số 296c ngày 18/11/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 699 ngày 16/12/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Kim A (tên gọi khác: B), sinh năm 1977

Địa chỉ: số 142, ấp H, xã H, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê V, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 183/46 Nguyễn Văn Đ, phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2021)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Quang Y –  
Luật sư công ty Luật TNHH MTV H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: F253 Võ Thị S, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 430, đường Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: số 32, ấp H, xã H, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn:

+ Ông Đặng Bá Ch – Luật sư Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: N26 Hùng V, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Nguyễn Đức Thắng Ý – Luật sư Công ty Luật TNHH Y L Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 128/41 Huỳnh Tấn Ph, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Thiện Kh, sinh năm 1972

Địa chỉ: số 142, ấp H, xã H, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kh: bà Bùi Thị Kim A – Nguyên đơn.

(Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2020)

- Người làm chứng:

+ Bà Lê Thị T(tên gọi khác Th ), sinh năm: 1953

Địa chỉ: số 03 tổ 1, ấp Ng, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: bị đơn Bà Nguyễn Thị L.

(ông V, bà L, bà A, chị H, ông Ch, ông Ý có mặt; chị V vắng mặt; ông Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án tóm tắt như sau:

\* Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim A trình bày:

Bà và Bà Nguyễn Thị L quen biết nhau từ nhỏ và ở gần nhà nhau. Ngày 25/02/2018 (âm lịch), bà cho bà L vay số tiền 600.000.000 đồng. Bà L viết giấy cho bà với nội dung “Hôn nay ngày 25/2.2018 B mượn dùm L số tiền 600.000.000 sáu

*trăm triệu chẳng mười lăm ngày.15 – ngày chả lại đủ”,* bà L ký và viết tên phía dưới tờ giấy rồi giao cho bà quản lý. Bà đã giao cho bà L số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) tại nhà bà L.

Sau khi vay tiền, bà L có thanh toán cho bà Kim A được 12 tháng tiền lãi từ tháng 3 năm 2018 (âm lịch) đến khoảng tháng 02 năm 2019 (âm lịch), mỗi tháng 12.000.000 đồng (việc trả lãi không có giấy tờ). Từ tháng 03 năm 2019 (âm lịch) đến nay bà L không thanh toán lãi cho bà Kim A thêm khoản nào. Nay bà (Kim A) khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị L trả cho bà số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), bà không yêu cầu lãi suất.

*\* Bị đơn Bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà (Nguyễn Thị L) và bà Bùi Thị Kim A (tên thường gọi là B) có quen biết nhau nhưng giữa đôi bên không có quan hệ vay mượn tiền. Bà không vay của bà L 600.000.000 đồng như bà L trình bày. Đối với giấy viết đề ngày 25/2.2018 (âm lịch) do bà Kim A cung cấp thì bà (L) không nhớ rõ có viết giấy này hay không, nhưng khi nhìn vào dòng chữ trong tờ giấy do bà Kim A cung cấp thì bà (L) thấy giống chữ viết của bà.

Nay bà không đồng ý thanh toán số tiền nợ là 600.000.000 đồng cho bà Kim A và ông Nguyễn Thiện Kh, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của bà Kim A.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện Kh trình bày:*

Ông và bà Bùi Thị Kim A là vợ chồng. Ông Kh không biết việc vợ ông cho bà L vay tiền. Nay ông Kh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Kim A, yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền 600.000.000 đồng.

*\* Người làm chứng bà Lê Thị T(Th ) trình bày:* Bà là bạn của bà Đoàn Thị S (mẹ ruột chị Bùi Thị Kim A ) nên biết bà Kim A; bà không quen biết bà L. Ngày 25/02/2018 (âm lịch) bà có cho bà Bùi Thị Kim A vay số tiền 650.000.000đ. Khi vay tiền thì bà Kim A có nói với bà là để cho người khác vay lại. Bà giao tiền cho Kim A buổi trưa ngày 25/02/2018 (âm lịch) nhưng trong sổ theo dõi là ngày 26/02/2018 (âm lịch) để đỡ thiệt thòi khi tính tiền lãi suất cho người vay tiền, đây cũng là cách bà ghi (tính) cho tất cả những người mà bà cho vay tiền. Sau đó khoảng hơn 02 tháng thì bà yêu cầu bà Kim A trả lại tiền. Khoảng vài tháng sau bà Kim A bán nhà và đã trả tiền cho bà. Việc bà Kim A cho bà L vay tiền này bà chỉ nghe nói chứ bà không biết.

- Tại bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 91, 161, 147, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

*Tuyên xử* : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim A , buộc Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị Kim A và ông Nguyễn Thiện Kh số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành và án quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/4/2021, bà L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn, lý do bà không vay tiền của nguyên đơn.

- *Tại Bản luận cứ của Luật sư Lê Quang Y bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến về tố tụng và nội dung của án sơ thẩm như sau:*

+ Về nội dung vụ án: Việc bà L vay mượn tiền của bà Kim A số tiền 600.000.000đ là có căn cứ bởi lẽ:

Thứ nhất: Qua lời khai của bà L thể hiện bà L, bà Kim A có mối quan hệ quen biết từ rất lâu và cả hai rất thân thiết với nhau.

Thứ hai: Giấy vay mượn tiền đề ngày 25/02/2018 được lập hợp pháp đúng quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, việc lập giấy do hai bên tự nguyện, không bị ép buộc, cả hai không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Thứ ba: Giấy vay mượn tiền đề ngày 25/02/2018 do bà Kim A và bà L viết, bà Kim A viết đoạn đầu, bà L viết đoạn sau phần nội dung số tiền mượn và cam kết, sau đó bà Anh và bà L đề ký vào. Như vậy, chỉ khi bà L nhận được tiền mới viết và cam kết ngày trả cụ thể, còn việc phía bị đơn cho rằng nội dung mang ý nghĩa “đề xuất” là không có cơ sở, đề xuất có thể trao đổi bằng lời nói, không cần phải lập bằng văn bản nhất là với thông lệ vay tiền. Mặt khác, số tiền bà Kim A cho bà L vay là vay của bà T và lời khai của bà T cũng tương đồng với lời khai của bà Kim A.

Thứ tư: Lời khai của bà L trong suốt quá trình giải quyết có sự mâu thuẫn và liên tục thay đổi, có hành vi trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Lời khai của người làm chứng cho bà L không trung thực, không khách quan, bà là cháu bà L, bà H là em ruột bà L.

+ Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của Luật sư Nguyễn Đức Thắng Ý, Luật sư Đặng Bá Ch bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*

Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim A, sau đó bà L kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm bác kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bà L bổ sung yêu cầu kháng cáo, nếu qua nghị án HĐXX không thể sửa án thì yêu cầu hủy bản án sơ thẩm bởi 8 lý do sau:

Thứ nhất: Tờ giấy ngày 25/02/2018 chỉ là nội dung xác nhận bà L đề xuất vay dùm tiền. Bà Kim A nói cho bà L vay lãi suất 2% là không có cơ sở. Căn cứ lời khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì việc lập giấy ngày 25/02/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là hợp đồng vay tài sản. Theo Điều 404 Bộ luật dân sự quy định “ Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì việc giải thích điều khoản đó không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí của các bên được thể hiện trong toàn bộ quá trình trước, tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng” tuy nhiên nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh có hợp đồng vay tài sản, không cung cấp được giấy giao nhận tiền giữa bà Kim A với bà L.

Thứ hai: về nguồn tiền bà Kim A cho bà L mượn là vay của bà T . Việc bà T khai và giấy tờ ghi nợ bà T cung cấp cho Tòa án có nhiều mâu thuẫn cụ thể: Bà Kim A khai đến nhà bà T mượn tiền cho bà L nhưng bà T xác nhận chỉ biết cho bà Kim A mượn với lãi suất 1,5%/tháng. Về thời gian cho bà Kim A vay tiền lúc thì bà T trả lời với luật sư là bà Kim A vay từ ngày 26/12 âm lịch, lúc thì trả lời với HĐXX là ngày 25/12/2018 trong khi đó giấy ghi nợ của bà T cung cấp ghi cho vay ngày 26/12/2018. Theo tập quán địa phương tại huyện Th và các địa phương khác thì vay ngày nào ghi nợ ngày đó chứng tỏ bà T cho bà Kim A vay từ ngày 26/12. Như vậy bà Kim A không có tiền để giao cho bà L ngày 25/12/2018 như lời trình bày của bà.

Thứ ba: bà Kim A khai lãi suất không thống nhất, bà khai vay bà T lãi suất 1% còn bà T cho bà Kim A vay lãi suất 1,5%. Như vậy có sự mâu thuẫn về lãi suất trong các lời khai của các đương sự.

Thứ tư: việc bán nhà trả cho bà T có nhiều mâu thuẫn và không phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Thứ năm: ông Kh chồng bà Kim A khai thời điểm cho vay có nhiều mâu thuẫn có lúc biết, có lúc không biết ngày bà L mượn tiền bà Kim A.

Thứ sáu: về tố tụng lời khai của các đương sự mâu thuẫn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất để làm rõ nội dung vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng.

Thứ bảy: Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà L có khai mượn tiền giùm cho bà Văn Thị Kim Q nhưng Tòa án không triệu tập bà Q làm việc để làm rõ là bỏ sót tư cách tham gia tố tụng.

Thứ tám: Tờ giấy vay mượn tiền giấy viết và cây viết lấy từ nhà bà L viết thêm, vậy các chữ viết có được viết cùng một thời điểm hay không, Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này.

Vì các lý do nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim A khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền nợ là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất của số tiền trên. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh về việc mượn của bà L là giấy mượn tiền lập ngày 25/2.2018 có nội dung **“Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, độc lập tự do hạnh phúc” “Hôm nay ngày 25/2.2018 B mượn từ L số tiền 600.000.000 sáu trăm triệu chẵn mười lăm ngày.15 – ngày trả lại đủ”**. (BL 06, 67). được viết bằng hai chữ viết khác nhau, phần **“Cộng hòa...hạnh phúc”** là chữ viết của bà Kim A; phần **“Hôm nay... trả lại đủ”** và chữ ký L, chữ viết Nguyễn Thị L là của bà L. Tại Kết luận giám định số 3167/C09B ngày 30/7/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký Nguyễn Thị L tại giấy mượn tiền ngày 25/02/2018 do bà Kim A cung cấp với chữ ký Nguyễn Thị L tại các văn bản do bà L ký tên là cùng một người (BL 83).

Bị đơn bà L không thừa nhận có việc vay (mượn) tiền của bà Kim A, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lời khai ban đầu bà L không thừa nhận chữ viết và chữ ký Nguyễn Thị L trong giấy mượn tiền ngày 25/02/2018 (âm lịch) do bà Kim A cung cấp (BL 55). Sau đó bà L đã thay đổi lời khai, xác định giống chữ viết, chữ ký của bà nhưng cho rằng đó chỉ là đề xuất vay tiền, lời khai trên của bà L là không phù hợp, bởi lẽ việc đề nghị vay tiền phải viết giấy là hoàn toàn không phù hợp với các giao dịch của người dân trong thực tiễn, nếu bà L chỉ đề xuất bà Kim A mượn từ số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) chưa nhận được tiền thì bà L không cần thiết phải ký tên vào giấy mượn tiền ngày 25/02/2018 và cam kết thời hạn trả tiền (15 ngày). Lời khai trên của bà L không được bà Kim A thừa nhận, đồng thời bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là có cơ sở. Với những tài liệu chứng cứ nêu trên, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị Kim A và ông Nguyễn Thiện Kh số tiền nợ 600.000.000đ là có cơ sở việc bị đơn bà L cho rằng Tòa cấp sơ thẩm xem xét và đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, chưa toàn diện và không khách quan là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà là không có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị L

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS, tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 24/3/2021

của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Bùi Thị Kim A khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị L trả cho bà số tiền 600.000.000đ đã vay vào ngày 25/02/2018 (âm lịch). Bà L không thừa nhận có nợ nên không đồng ý trả số tiền trên cho bà Kim A.

[4] Xét kháng cáo của bà L

Bà L kháng cáo không đồng ý việc bà có nợ bà Kim A (tức B) số tiền 600.000.000đồng, do vậy bà đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Kim A. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L bổ sung yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm.

[4.1] Về giấy mượn tiền ngày 25/02/2018: Bà L trình bày có nhiều mâu thuẫn lúc thì cho rằng không nhớ rõ có viết giấy mượn tiền đề ngày 25/02/2018 là chữ viết của bà hay không, lúc thì thừa nhận là chữ viết của bà phần “*Hôn nay...chả lại đủ*” và chữ ký L. Tuy nhiên tại bản Kết luận giám định (BL83) của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ viết “*B mượn dùm L số tiền 600.000.000 sáu trăm triệu chẳng mười lăm ngày.15 – ngày chả lại đủ*” so sánh với các tài liệu được giám định là do cùng một người viết ra. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 25/02/2018 là chữ viết, chữ ký của bà L. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà L thừa nhận bà là người viết hàng chữ trên và bà H là người cầm tờ giấy đưa cho bà Kim A.

[4.2] Về nội dung của giấy mượn tiền đề ngày 25/02/2018: Tại nội dung đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cho rằng không có nội dung thể hiện bà đã nhận số tiền 600.000.000đ từ bà Kim A. Mặt khác, bà chỉ hỏi vay giùm cho bà Q và bà Q cũng chưa nhận số tiền này. Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ nhận thấy: Mặc dù bà L không thừa nhận có vay số tiền 600.000.000đ của bà Kim A mà chỉ là tờ giấy “*đề xuất*” vay tiền. Song trên thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn đều thường xuyên có vay tiền với nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm và tại các bút lục 95, 94 bà L thừa nhận bà làm nghề cho vay tiền trả góp, làm chủ hội, bán đồ trả góp...và thường có giao dịch về tiền với những người xung quanh. Bà L hỏi vay dùm bà Q nên viết giấy để lại để cho bà Q đến nhà bà Kim A vay tiền. Bà L ghi rõ vay dùm là phù hợp và hẹn 15 ngày trả lại. Như vậy giấy vay mượn tiền ngày 25/02/2018 (âm lịch) là xác nhận việc bà L có vay của bà Kim A 600.000.000đ và hẹn 15 ngày trả lại. Mặt khác, nội dung giấy mượn tiền ghi không chính xác về từ ngữ là do nguyên đơn

và bị đơn đều hạn chế về trình độ học vấn (bà Kim A học vấn lớp 4, bà L học vấn lớp 1), nên ý chí của đôi bên viết đơn giản, chỉ ghi mượn dùm và hẹn 15 ngày trả lại.

Như vậy, việc bà L và bà Kim A xác lập giao dịch vay tiền là có thật, được thể hiện tại chữ viết, chữ ký của bà L tại giấy xác nhận đề ngày 25/02/2018 (âm lịch) với nội dung bà L vay bà Kim A số tiền 600.000.000 đồng và hẹn 15 ngày trả lại. Nay bà Kim A khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền 600.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà L trả cho bà Kim A số tiền 600.000.000đ là có căn cứ, kháng cáo của bà L không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

[5.1] Về án phí

- Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà L phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 600.000.000đ. Cụ thể:  $20.000.000đ + (4\% \times 200.000.000đ) = 28.000.000đ$ .

- Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L không được chấp nhận nên bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2]: Về chi phí tố tụng: bà Kim A đã tạm ứng số tiền chi phí giám định là 1.900.000đ, do yêu cầu của bà Kim A được chấp nhận nên bà L phải thanh toán lại cho bà Kim A số tiền chi phí tố tụng là 1.900.000đ.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 357, 404, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

- Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.



*Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim A , buộc Bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Bùi Thị Kim A số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

+ Về án phí

- *Án phí sơ thẩm:*

+ Bà Nguyễn Thị L phải chịu 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Bùi Thị Kim A được nhận lại số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0007780 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Án phí phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006619 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

+ Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L phải thanh toán lại cho bà Bùi Thị Kim A số tiền chi phí tố tụng là 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- TAND huyện Thống Nhất;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Kim Rết**